Phụ lục 60
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ AN PHÚ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 1, 3, 21, 22, 23, 28, 36, 38, 39, 40, 41, 47, 48, 49, 50, 51, 57, 58, 59, 42, 43, 44, 46, 60 Phụ lục 60 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	1	Đường Bạch Đằng		
		- Công an xã An Phú - Trường THCS An Phú	2.100	Sửa tên đường (Tên cũ: Công an xã An Phú - Trường Trung học cơ sở)
		- Trường THCS An Phú - Ngã ba Cột dây thép	1.680	Sửa tên đường (Tên cũ: Trường Trung học cơ sở - Ngã ba Cột dây thép)
2	3	Nguyễn Hữu Cảnh		
		- Bạch Đằng - Tôn Đức Thắng (cuối TT. Thương mại)	5.880	Sửa tên đường (Tên cũ: Bạch Đằng - Lê Thánh Tôn (cuối TT. Thương mại))
		- Tôn Đức Thắng (cuối TT. Thương mại) - Đường tỉnh 957	5.040	Sửa tên đường (Tên cũ: Lê Thánh Tôn (cuối TT. Thương mại) - ĐT 957)

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
3	21	Đường số 10: Đường Nguyễn Viết Xuân - Ngô Gia Tự	3.850	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 10: Đường Xuân Thủy (đường số 10))
4	22	Đường số 11: Đường Nguyễn Viết Xuân - Ngô Gia Tự	3.850	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường số 11: Đường Nguyễn Duy Trinh (đường số 11))
5	23	Đường số 13		
		- Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Duy Trinh	2.730	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Viết Xuân - Ngô Gia Tự)
6	28	Lê Hồng Phong: Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cảnh (CDC Thầy Ban)	2.730	Sửa tên đường (Tên cũ: Lê Hồng Phong: Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cảnh)
7	36	Quốc lộ 91C		
		+ Ngã ba Cột Dây Thép – Ranh Vĩnh Hậu	1.105	Sửa tên đường (Tên cũ: Quốc lộ 91C: Ngã ba Cột Dây Thép - Cầu Thầy Ban)
8	38	Đường tỉnh 957 (gồm nền linh hoạt TDC Cột Dây Thép): Từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu - Ranh Nhơn Hội	650	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường tỉnh 957 (gồm nền linh hoạt TDC Cột Dây Thép): Từ giáp ranh xã Vĩnh Hậu - Ngã 3 Vĩnh Hội Đông)
9	39	Tuyến dân cư Cột Dây Thép (nền cơ bản), cặp Tỉnh lộ 957	160	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Cột Dây Thép (nền cơ bản), cặp Tỉnh lộ 957: Chỉ có một vị trí)

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
10	40	Tuyến dân cư Cột Dây Thép (Doanh nghiệp Đăng Khoa)	2.340	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Cột Dây Thép (Doanh nghiệp Đăng Khoa): Chỉ có một vị trí)
11	41	Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Vĩnh Hội Đông (trung tâm xã cũ)	770	Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tại trung tâm khu vực Phú Hội)
12	47	Đường cặp sông Châu Đốc (Lộ nông thôn ấp Phú Nhơn, Phú Nghĩa)	242	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cặp sông Châu Đốc (Lộ nông thôn Phú Hội cũ) (Bờ Tây))
13	48	Cống Ba Đạm đến Cầu Phú Hội, Vĩnh Hội Đông	1.210	Sửa tên đường (Tên cũ: Cống Bà Đạm đến Cầu Phú Hội)
14	49	Đường cặp Sông Châu Đốc: Đoạn từ ngã 3 Vĩnh Hội Đông đến Đường tỉnh 957	319	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cặp Sông Châu Đốc: Đoạn từ ngã 3 Vĩnh Hội Đông đến trường tiểu học B)
15	50	Lộ giao thông nông thôn Vĩnh Hoà, Vĩnh An	220	Sửa tên đường (Tên cũ: Bờ Tây)
16	51	Cụm dân cư cầu số 6, xã Phú Hội	172	Sửa tên đường (Tên cũ: Các đường còn lại)
17	57	Tuyến dân cư Kênh Thầy Ban (nền cơ bản)	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Cụm dân cư kênh Thầy Ban)

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
18	58	Các tuyến đường khác có độ rộng đường >=3m	150	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường >=3m được trải bê tông hoặc nhựa)
19	59	Các tuyến đường khác có độ rộng đường <3m	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường <3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1	36	Quốc lộ 91C		
		+ Ranh An Phú, Phước Hưng cũ – Trạm Biến thế	1.320	Bổ sung
		+ Trạm Biến thế - Cầu Đình (ranh Nhơn Hội)	792	Bổ sung
2		Cuối đường Nguyễn Hữu Cảnh (Ranh thị trấn An Phú, Vĩnh Hội Đông) - giáp Đường tỉnh 957 (từ đoạn tiếp giáp Đường tỉnh 957)	1.056	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	60	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
I	I	Ấp An Hưng, An Thịnh, An Thạnh		
1	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản	130	Sửa tên; Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản (chỉ xác định một vị trí)
2	2	Đất trồng cây lâu năm	195	Sửa tên; Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản (chỉ xác định một vị trí)
II	**BỔ SUNG**			

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
1	II	Các ấp còn lại (Vĩnh Phú, Vĩnh Hội, Vĩnh An, Vĩnh Hoà, Phú Mỹ, Phú Nhơn, Phú Nghĩa, Phước Thạnh, Phước Mỹ)		Bổ sung
	1	Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản		Bổ sung
		- Quốc lộ 91C	72	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Tiền) (ấp Phước Mỹ, Phước Thạnh)	54	Bổ sung
		- Khu vực còn lại (ấp Phước Mỹ, Phước Thạnh)	42	Bổ sung
		- Tiếp giáp đường tỉnh 957		
		+ Ấp Vĩnh Phú (Tiếp giáp đường tỉnh 957)	50	Bổ sung
		+ Ấp Phú Mỹ (Tiếp giáp đường tỉnh 957)	60	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Châu Đốc) Vĩnh Phú, Vĩnh Hội, Vĩnh An, Vĩnh Hoà	50	Bổ sung
		- Khu vực còn lại ấp Vĩnh Phú, Vĩnh Hội, Vĩnh An, Vĩnh Hoà	35	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Châu Đốc) ấp Phú Mỹ, ấp Phú Nhơn, ấp Phú Nghĩa	50	Bổ sung
		- Khu vực còn lại: ấp Phú Mỹ, ấp Phú Nhơn, ấp Phú Nghĩa	30	Bổ sung

TT	Số TT PL60 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
2	2	Đất trồng cây lâu năm		Bổ sung
		- Quốc lộ 91C	84	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Châu Đốc) ấp Phước Mỹ, Phước Thạnh	60	Bổ sung
		Khu vực còn lại ấp Phước Mỹ, Phước Thạnh	42	Bổ sung
		- Tiếp giáp đường tỉnh 957:		
		+ Ấp Vĩnh Phú (Tiếp giáp đường tỉnh 957)	55	Bổ sung
		+ Ấp Phú Mỹ (Tiếp giáp đường tỉnh 957)	65	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Châu Đốc) Vĩnh Phú, Vĩnh Hội, Vĩnh An, Vĩnh Hoà	55	Bổ sung
		- Khu vực còn lại Vĩnh Phú, Vĩnh Hội, Vĩnh An, Vĩnh Hoà	40	Bổ sung
		- Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I, II, sông Hậu, sông Châu Đốc) ấp Phú Mỹ, Phú Nhơn, Phú Nghĩa	55	Bổ sung
		- Khu vực còn lại Phú Mỹ, Phú Nhơn, Phú Nghĩa	35	Bổ sung